

- Bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu của người có thẩm quyền).

- 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác có ngành nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu.

- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (BC);
- Phòng KHNV;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đang

PHỤ LỤC SỐ 01: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo thư mời Số /TM-TTYT, ngày tháng 01 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Lạc Thủy)

ST T	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Xuất t xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng
1	IVD pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Tương thích dùng cho máy huyết học tự động hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Dung dịch pha loãng dạng thùng/ can tổng thể tích $\leq$ 20 lít (hoặc tương đương)	Thù ng	20
2	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Tương thích dùng cho máy huyết học tự động hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Dung dịch ly giải dạng thùng/ can tổng thể tích $\leq$ 4 lít (hoặc tương đương)	Bộ	6

3	IVD nhuộm tế bào dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Tương thích dùng cho máy huyết học tự động hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Dung dịch nhuộm tế bào dạng thùng/ can tổng thể tích ≤ 50 ml (hoặc tương đương)	Bộ	13
4	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Tương thích dùng cho máy huyết học tự động hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Dung dịch ly giải dạng thùng/ can tổng thể tích ≤ 4 lít (hoặc tương đương)	Bộ	2
5	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Tương thích dùng cho máy huyết học tự động hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Dung dịch rửa dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 50 ml (hoặc tương đương)	Lọ	22
6	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	Tương thích dùng cho máy huyết học tự động hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn dạng chai/lọ tổng thể tích ≤ 3 ml (hoặc tương đương)	Lọ	2

7	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	Tương thích dùng cho máy huyết học tự động hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 4.5 ml (hoặc tương đương)	Lọ	12
8	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	Tương thích dùng cho máy huyết học tự động hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất kiểm chuẩn gồm các thành phần (2L,2N,2H) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 30 ml (hoặc tương đương)	Bộ	12
9	Thuốc thử xét nghiệm Prothrombin Time	Tương thích dùng máy đông máu Human Clot Pro (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Thuốc thử dạng chai/lọ tổng thể tích ≤ 12 ml (hoặc tương đương)	Bộ	19
10	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Tương thích dùng máy đông máu Human Clot Pro (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Thuốc thử gồm tối thiểu 02 thành phần, dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 50 ml (hoặc tương đương)	Bộ	5

11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Tương thích dùng máy đông máu Human Clot Pro (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Thuốc thử dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 10 ml (hoặc tương đương)	Bộ	12
12	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu mức bình thường	Tương thích dùng máy đông máu Human Clot Pro (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	9
13	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu mức bất thường	Tương thích dùng máy đông máu Human Clot Pro (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	9
14	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm đông máu	Tương thích dùng máy đông máu Human Clot Pro (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 4 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2

15	Bộ linh kiện bảo trì máy xét nghiệm đông máu tự động HumanClot Pro	Tương thích dùng máy đông máu Human Clot Pro (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Hộp tối thiểu 1 bộ (hoặc tương đương)	Bộ	2
16	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Tương thích dùng máy đông máu Human Clot Pro (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	6x10x32/hộp	Bộ	3
17	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Tương thích dùng máy đông máu Human Clot Pro (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Dung dịch rửa dạng chai/lọ tổng thể tích ≤ 75 ml (hoặc tương đương)	Bộ	11
18	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Tương thích dùng máy đông máu Human Clot Pro (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Dung dịch rửa dạng chai/lọ tổng thể tích ≤ 75 ml (hoặc tương đương)	Bộ	6

19	Thanh khuấy hóa chất	Tương thích dùng máy đông máu Human Clot Pro (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Hộp tối thiểu 10 cái (hoặc tương đương)	Bộ	2
20	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, Li	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Thuốc thử dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 800 ml (hoặc tương đương)	Bộ	6
21	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Dung dịch rửa gồm 2 thành phần (dung dịch và bột) dạng chai/ lọ dung dịch có tổng thể tích ≤ 90 ml và bột có tổng lượng ≤ 3 g (hoặc tương đương)	Bộ	4
22	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số điện giải	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 20 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4

		Mỹ (hoặc tương đương)	đương)			
23	Điện cực xét nghiệm định lượng Na	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Hộp tối thiểu 1 cái (hoặc tương đương)	Cái	2
24	Điện cực xét nghiệm định lượng K	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Hộp tối thiểu 1 cái (hoặc tương đương)	Cái	2
25	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Hộp tối thiểu 1 cái (hoặc tương đương)	Cái	2

		tương đương)				
26	Điện cực xét nghiệm định lượng Ca	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Hộp tối thiểu 1 cái (hoặc tương đương)	Cái	2
27	Điện cực tham chiếu xét nghiệm định lượng 6 thông số điện giải	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Hộp tối thiểu 1 cái (hoặc tương đương)	Cái	4
28	Đường ống bơm và ống mẫu máy điện giải	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Đường ống gồm tối thiểu 3 loại (đường ống bơm, đường ống mẫu, đường ống mẫu ngán) (hoặc tương đương)	Bộ	4

		tương đương)				
29	Bộ phát hiện mẫu máy xét nghiệm điện giải	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Hộp tối thiểu 1 cái (hoặc tương đương)	Cái	1
30	Kim hút mẫu máy xét nghiệm điện giải	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Hộp tối thiểu 1 cái (hoặc tương đương)	Cái	1
31	Van máy xét nghiệm điện giải	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Hộp tối thiểu 1 cái (hoặc tương đương)	Cái	1

		tương đương)				
32	Giấy in máy xét nghiệm điện giải	Tương thích dùng cho máy điện giải EasyLyte Analyzer, hãng Medica/ Mỹ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Hộp tối thiểu 3 cuộn (hoặc tương đương)	Bộ	1
33	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3	- xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh - Dải báo cáo: 0.88-30 pg/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	9
34	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	- xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh - Dải báo cáo: 0.3-6.0 ng/dL (hoặc	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	9

		tương đương)				
35	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	- xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh - Dải báo cáo: 0.2 ng/mL- 8.0 ng/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	9
36	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4	- xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh - Dải báo cáo: 0.5- 30 $\mu\text{g/dL}$ (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	9
37	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	- xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: 0.005- 100 μIU /mL	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	9

		(hoặc tương đương)				
38	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA19-9	- xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: 1.0-2000 U/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	6
39	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	- xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: 0.008-100 ng/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	10
40	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	- xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: 0.2-1000 ng/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	8

41	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	- xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: 0.5-1210 ng/mL(hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	6
42	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ferritin	- xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: 0.5-1500 ng/mL(hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	7
43	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA15-3	- xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: 1.0-500 U/mL(hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	5
44	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA72-4	- xét nghiệm miễn dịch 2 điểm - Dải báo cáo: 0.2-300 U/mL (hoặc	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	3

		tương đương)				
45	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β -HCG	- xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: tối thiểu 0.5- 5000 mIU/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	4
46	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FSH	- xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: 0.2- 200 mIU/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	4
47	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Prolactin	- xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: 0.47-200 ng/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	1

48	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Insulin	- Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm - Dải báo cáo: 0.2-1000 μ IU/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test $\leq$ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	8
49	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cortisol	- Xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh - Dải báo cáo: 0.4-60 μ g/dL (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test $\leq$ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	10
50	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-MB	- Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm - Dải báo cáo: 0.1-300 ng/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test $\leq$ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	22
51	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Vitamin B12	- Xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh - Dải báo cáo: 50-	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test $\leq$ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	4

		2000 pg/mL (hoặc tương đương)	đươ ng)			
52	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HBsAg	- Xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: 0.05-250 IU/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	12
53	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti- HBs	- Xét nghiệm sandwich 2 điểm - Dải báo cáo: 0.05-250 IU/mL (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	11
54	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng virus viêm gan C	- Xét nghiệm sandwich 2 bước - Tương thích với máy miễn dịch CL- 900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	10

55	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT3	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
56	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
57	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
58	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4

59	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
60	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
61	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
62	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4

63	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
64	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA15-3	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
65	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA72-4	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
66	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng β -HCG	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4

67	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FSH	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
68	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Prolactin	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
69	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Insulin	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
70	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4

71	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CK-MB	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
72	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Vitamin B12	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
73	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HBsAg	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
74	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể kháng HBsAg	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1, C2) dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4

75	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể kháng viêm gan C	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất hiệu chuẩn gồm các mức (C0, C1) dạng chai/lọ tổng thể tích ≤ 4 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4
76	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 15 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
77	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 15 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
78	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 15 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2

79	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 15 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
80	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Vật liệu kiểm soát dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 30 ml	Bộ	1
81	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Vật liệu kiểm soát dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 30 ml	Bộ	1
82	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng TnI, BNP, MYO, CK-MB	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2

83	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng TnI, BNP, MYO, CK-MB	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
84	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-peptide	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
85	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-peptide	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
86	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2

87	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
88	Hóa chất kiểm chuẩn dương tính xét nghiệm định lượng HBsAg	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
89	Hóa chất kiểm chuẩn âm tính xét nghiệm định lượng HBsAg	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
90	Hóa chất kiểm chuẩn dương tính xét nghiệm định lượng kháng thể kháng HBsAg	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2

91	Hóa chất kiểm chuẩn âm tính xét nghiệm định lượng kháng thể kháng HBsAg	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
92	Hóa chất kiểm chuẩn âm tính xét nghiệm định tính kháng thể kháng virus viêm gan C	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
93	Hóa chất kiểm chuẩn dương tính xét nghiệm định tính kháng thể kháng virus viêm gan C	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
94	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuộc c G7 (hoặc c tương đương)	(21*2*88)/thùng	Thùng	5

95	IVD kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Thuốc thử dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 300 ml (hoặc tương đương)	Bộ	15
96	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Dung dịch rửa dạng thùng/ can tổng thể tích ≤ 10 lít (hoặc tương đương)	Thùng	50
97	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Dung dịch rửa dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 50 ml (hoặc tương đương)	Lọ	15
98	IVD pha loãng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Dung dịch pha loãng dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 60 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2

99	IVD pha loãng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	- Tương thích với máy miễn dịch CL-900i hãng Mindray (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Dung dịch pha loãng dạng chai/ lọ tổng thể tích $\leq 50\text{ml}$ (hoặc tương đương)	Bộ	2
100	Que thử nước tiểu 10 thông số	- Que thử nước tiểu tối thiểu 10 thông số - Tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu PU-4010, AE-4020 và AX-4060 của hãng Arkray	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test >50 và ≤ 100 test (hoặc tương đương)	Bộ	100
101	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	- Tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu PU-4010, AE-4020 và AX-4060 của hãng Arkray	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Chất kiểm chuẩn gồm tối thiểu 2 thành phần (level1, level 2) dạng chai/ lọ tổng thể tích $\leq 100\text{ ml}$ (hoặc tương đương)	Bộ	6

10 2	ALT	- Phương pháp đo: IFCC Method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate - Dải tuyến tính: 4-1000 U/L (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 450 ml (hoặc tương đương)	Bộ	8
10 3	Albumin	- Phương pháp đo: Bromcresol Green Method - Dải tuyến tính: 3-60g/L (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Quy cách gồm tối thiểu 1 thành phần (R), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 400 ml (hoặc tương đương)	Bộ	1
10 4	Chất chứng CRP, ASO, RF	- Tương thích cho máy sinh hóa BS620M	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Chất chứng gồm tối thiểu 02 thành phần (L,H), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 6 ml (hoặc tương đương)	Bộ	5

10 5	AST	- Phương pháp đo: IFCC method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate - Dải tuyến tính: tối thiểu 4-800 U/L (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 400 ml (hoặc tương đương)	Bộ	8
10 6	Direct Bilirubin	- Phương pháp đo: DSA Method - Dải tuyến tính: 1-260 $\mu\text{mol/L}$ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 200 ml (hoặc tương đương)	Bộ	1
10 7	Bil-T(DSA)	- Phương pháp đo: DSA Method - Dải tuyến tính: 1.7-600 $\mu\text{mol/L}$ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 200 ml (hoặc tương đương)	Bộ	1

108	Chất chứng mức thấp hóa chất sinh hóa	- Tương thích cho máy sinh hóa BS620M	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất chứng dạng chai / lọ tổng thể tích ≤ 50 ml (hoặc tương đương)	Bộ	1
109	Chất chứng mức cao hóa chất sinh hóa	- Tương thích cho máy sinh hóa BS620M	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Chất chứng dạng chai / lọ tổng thể tích ≤ 50 ml (hoặc tương đương)	Bộ	1
110	Creatinine	-Phương pháp đo: Sarcosine Oxidase Method - Dải tuyến tính: 10-7000 $\mu\text{mol/L}$ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 250 ml (hoặc tương đương)	Bộ	9
111	Gamma-Glutamyltransferase	- Phương pháp đo: Szasz Method/FCC stand - Dải tuyến tính: 4-650 U/L	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 400 ml (hoặc tương đương)	Bộ	1

		(0.07—10.83 µkat/L (hoặc tương đương))				
11 2	Glucose	- Phương pháp: Glucose oxidase-Peroxidase (GOD-POD) method - Dải tuyến tính: tối thiểu 0.3-25 mmol/L (hoặc tương đương)	Các nước thuốc G7 (hoặc tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 400 ml (hoặc tương đương)	Bộ	6
11 3	Chất chuẩn HbA1c	- Tương thích cho máy sinh hóa BS620M	Các nước thuốc G7 (hoặc tương đương)	Chất chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 2ml (hoặc tương đương)	Bộ	3
11 4	Chất chứng HbA1c mức N	- Tương thích cho máy sinh hóa BS620M	Các nước thuốc G7 (hoặc tương đương)	Chất chứng dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 4ml (hoặc tương đương)	Bộ	2

			đươ ng)			
11 5	Chất chứng HbA1c mức P	- Tương thích cho máy sinh hóa BS620M	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Chất chứng dạng chai/ lọ tổng thể tích $\leq 4\text{ml}$ (hoặc tương đương)	Bộ	2
11 6	HDL- Cholesterol	- Phương pháp đo: Direct Method - Dải tuyến tính: $0.05\text{-}6.0$ mmol/L (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 250 ml (hoặc tương đương)	Bộ	1
11 7	HbA1c	- Phương pháp đo: Enzymati c Assay Method - Dải tuyến tính: $3\%\text{-}16\%$ (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Quy cách gồm tối thiểu 04 thành phần (R, R1, R2, Pretreatment Solution), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 500 ml (hoặc tương đương)	Bộ	4

118	LDL-Cholesterol	- Phương pháp đo: Direct Method - Dải tuyến tính: 0.05-20 mmol/L (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặc tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 250 ml (hoặc tương đương)	Bộ	1
119	Chất chuẩn HDL/LDL	- Tương thích cho máy sinh hóa BS620M	Các nước thuộ c G7 (hoặc tương đương)	Chất chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 5 ml (hoặc tương đương)	Bộ	1
120	Chất chuẩn sinh hóa	- Tương thích cho máy sinh hóa BS620M	Các nước thuộ c G7 (hoặc tương đương)	Chất chuẩn dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 30 ml (hoặc tương đương)	Bộ	1
121	Total Cholesterol	- Phương pháp đo: CHO D-POD Method - Dải tuyến tính: 0.1-20.0 mmol/L (hoặc	Các nước thuộ c G7 (hoặc tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 01 thành phần (R), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 400 ml (hoặc tương đương)	Bộ	8

		tương đương)				
12 2	Total protein	- Phương pháp đo: Biuret Method - Dải tuyến tính: 2-120g/L (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 01 thành phần (R), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 400 ml (hoặc tương đương)	Bộ	1
12 3	Triglycerides	- Phương pháp đo: GPO-POD Method - Dải tuyến tính: 0.1-12.5 mmol/L (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 01 thành phần (R), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 400 ml (hoặc tương đương)	Bộ	8
12 4	Urea	- Phương pháp đo: Urease-GLDH, UV Method - Dải tuyến tính: 0.9-40.0 mmol/L	Các nước thuốc c G7 (hoặc c tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 400 ml (hoặc tương đương)	Bộ	6

		(hoặc tương đương)				
12 5	Uric acid	- Phương pháp đo: Uricase-Peroxidase Method - Dải tuyến tính: 20.8-1500 $\mu\text{mol/L}$ (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 400 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
12 6	α -Amylase	- Phương pháp đo: IFCC Method - Dải tuyến tính: 5-1500 U/L (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Quy cách gồm tối thiểu 02 thành phần (R1, R2), dạng chai/lọ, tổng thể tích ≤ 200 ml (hoặc tương đương)	Bộ	2
12 7	CD80 Detergent	- Tương thích cho máy sinh hóa BS620M	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Dung dịch rửa dạng thùng/ can tổng thể tích ≤ 2 lít (hoặc tương đương)	Can	20

128	Plastic Cuvette	- Tương thích cho máy sinh hóa BS620M	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Hộp tối thiểu 1 cái (hoặc tương đương)	Cái	280
129	20W lamp	- Tương thích cho máy sinh hóa BS620M	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Hộp tối thiểu 1 cái (hoặc tương đương)	Cái	2
130	Labona check A1c	- Tương thích cho máy Labona check A1c	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 24 test (hoặc tương đương)	Test	1.300
131	Máu chuẩn Labona Check A1c mức trung bình	- Tương thích cho máy Labona check A1c	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	1x0.5ml (hoặc tương đương)	ml	7

13 2	Máu chuẩn Labona Check A1c mức cao	- Tương thích cho máy Labona check A1c	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	1x0.5ml (hoặc tương đương)	ml	7
13 3	Que thử nước tiểu 10 thông số	- Tương thích cho máy xét nghiệm nước tiểu Mission U120 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO1348 5 (hoặc tương đương)	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test >50 và ≤ 100 test (hoặc tương đương)	test	12.000
13 4	Test mẫu chứng nội kiểm dùng cho máy Mission U120	- Tương thích cho máy xét nghiệm nước tiểu Mission U120	Các nước thuộ c G7 (hoặ c tươn g đươ ng)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test ≤ 2 test (hoặc tương đương)	Bộ	1

13 5	Que thử đường huyết dùng với máy đo đường huyết cá nhân, kèm kim chích máu	- Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 μL (hoặc tương đương) - Phạm vi HCT: tối thiểu 25 - 60% (hoặc tương đương) - Khoảng đo đường huyết: tối thiểu 1.1 - 33.3mmo l/L (20 - 600mg/d L) (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Que thử dạng test trong hộp / lọ tổng test >25 và $\leq$ 50 test (hoặc tương đương)	Bộ	3.000
13 6	Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Thuốc thử dạng chai/ lọ tổng thể tích $\leq$ 10 ml (hoặc tương đương)	Lọ	8
13 7	Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Các nước thuốc c G7 (hoặc tương đương)	Thuốc thử dạng chai/ lọ tổng thể tích $\leq$ 10 ml (hoặc tương đương)	Lọ	8

13 8	Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Thuốc thử dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 10 ml (hoặc tương đương)	Lọ	8
13 9	Thuốc thử của xét nghiệm được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy tế bào từ các dòng tế bào lai BS225(Anti D)	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc tương đương)	Các nước thuộc G7 (hoặc tương đương)	Thuốc thử dạng chai/ lọ tổng thể tích ≤ 10 ml (hoặc tương đương)	Lọ	2

PHỤ LỤC SỐ 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo thư mời số/TM-TTYT, ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Lạc Thủy)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Lạc Thủy

Trên cơ sở thư mời chào giá số/TM-TTYT ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Lạc Thủy. Chúng tôi(Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh) báo giá cho gói thầu Cung cấp như sau:

1. Báo giá cho gói thầu Cung cấp

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Thông số kỹ thuật	Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng cộng: ... khoản						

(Đơn giá trên đã bao gồm thuế, phí vận chuyển, và các chi phí khác (nếu có))

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòngngày, kể từ ngày tháng năm... [Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 60 ngày], [ghi ngày.... tháng.... năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 8 của thư mời báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị gói thầu cung cấp nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)